

Bản án số: **228/2022/HS-ST**
Ngày: 08/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phan Minh Tuấn;

- Ông Trần Quốc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 230/2022/TLST-HS ngày 13/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐXXST-HS ngày 24/10/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lã Sơn T; Sinh năm: 1990**; HKTT: Tổ dân phố số 1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Tulaz Media; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Lã Quân Ng; Con bà: Vũ Thị H; Gia đình bị cáo có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, Con: Không;

Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Danh chỉ bản số 353, lập ngày 01/6/2022 tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bị hại: Anh Đỗ Quang Đ; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Số 18, ngách 2/5, ngõ 2, phố N, phường NC, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Đỗ Quang Đ và Lã Sơn T có quan hệ quen biết từ đầu năm 2021 do trước đó anh Đ có cho T thuê máy ảnh. T là giám đốc Công ty TNHH Tulaz Media (Địa chỉ: Số 27, ngõ 127/28, HN, phường O, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội). Ngày 04/10/2021, Công ty của T có ký hợp đồng dịch vụ số:13-2021/HDDV/TULAZ-TTT với Công ty cổ phần xây dựng và thương mại TTT để chụp ảnh quảng cáo sản phẩm nội thất tại Bệnh viện Hồng Ngọc (Địa chỉ: Số 8, Châu Văn Liêm, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Ngày 01/11/2021, T đã gọi điện thoại cho anh Đ hỏi thuê bộ máy ảnh nhãn hiệu Canon EOSR của anh Đ để chụp ảnh quảng cáo sản phẩm nội thất cho Bệnh viện Hồng Ngọc. Anh Đ đồng ý và thỏa thuận cho T thuê với giá 1.000.000đồng/01 ngày, thời hạn thuê là 02 ngày (đến ngày 03/11).

Khoảng 12 giờ cùng ngày, T hẹn gặp anh Đ tại bãi gửi xe máy của Bệnh viện Hồng Ngọc. Tại đây, anh Đ đã giao cho T bộ máy ảnh nhãn hiệu Canon EOSR (gồm máy ảnh và các phụ kiện kèm theo 01 ba lô), T hẹn ngày hôm sau sẽ trả lại bộ máy ảnh cho anh Đ. Sau khi nhận máy ảnh, khoảng 12 giờ 15 phút, cùng ngày, T đã liên lạc với chị Mai Thị Tr (Sinh năm: 1996; HKTT: Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định, là nhân viên của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại TTT) dẫn T vào Bệnh viện Hồng Ngọc để chụp ảnh quảng cáo sản phẩm cho Bệnh viện Hồng Ngọc theo hợp đồng đã ký với công ty của chị Trang. Đến khoảng 16h cùng ngày T chụp ảnh xong. Lúc này, do đang cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên T nảy sinh ý định đem cầm cố bộ máy ảnh của anh Đ để lấy tiền và sau đó, T đã đem bộ máy ảnh của anh Đ đến cửa hàng cầm đồ TT (Địa chỉ: 180 đường L, phường T, Đống Đa, Hà Nội) gặp anh Nguyễn Trung Th (Sinh năm: 1993; HKTT: Số 2, ngõ 218, đường L, phường T, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, là chủ cửa hàng) cầm cố vay số tiền 55.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng), do T và Thành có quan hệ quen biết nên không viết giấy tờ, thỏa thuận cầm cố máy ảnh trong khoảng 02 ngày. Số tiền cầm cố được, T đã sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 03/11/2021, anh Đ không thấy T mang trả máy ảnh nên đã gọi điện và nhắn tin nhưng T không trả lời. Đến ngày 06/11/2021, T nhắn tin cho anh Đ biết việc T đã cầm cố máy ảnh của anh Đ tại cửa hàng của anh Thành để lấy tiền trả nợ, anh Đ sau đó đã yêu cầu T chuộc máy ảnh về trả nhưng do T không có khả năng chuộc máy ảnh về trả cho anh Đ nên cùng ngày 06/11/2021, anh Đ đã đến Công an quận Nam Từ Liêm trình báo sự việc.

Sau khi hết hạn cầm cố máy ảnh nhưng do T không có tiền để chuộc lại máy ảnh trả cho anh Đ và do sợ bị cửa hàng cầm đồ bán thanh lý nên T đã gọi điện cho anh Th hỏi xem anh Th có mua lại máy ảnh không, nhưng do T đòi giá cao nên anh Th không mua. Sau đó T đã tìm người mua máy ảnh của anh Đ và dẫn khách đến cửa hàng của anh Th để xem máy ảnh nhưng do không thỏa thuận được giá mua nên T tiếp tục để máy ảnh tại cửa hàng cầm đồ trên. Đến ngày 15/11/2021, anh Đ đã đến cửa hàng của anh Th nói chuyện để xin chuộc lại máy ảnh nhưng chưa chuộc và vẫn để máy ảnh ở cửa hàng và đi về. Cùng ngày 15/11/2021, bà Vũ Thị H, là mẹ ruột của T đã nhờ chị Lê Thị Nh cùng chồng của chị Nh là anh Đình Văn Th1 (*Sinh năm: 1990; HKTT: Xã Đông Sơn, huyện Tam Hiệp, tỉnh Ninh Bình, là bạn của T*) đến cửa hàng cầm đồ TT để chuộc hộ T bộ máy ảnh mà T đã cầm cố (*bà H đã chuyển khoản số tiền 57.500.000 đồng đến tài khoản 108868201312 của chị Nh tại Ngân hàng Viettinbank*), sau đó chị Nh đã đến cửa hàng cầm đồ TT chuộc lại bộ máy ảnh và mang đến quán cafe đưa cho T (*chị Nh không nhớ địa chỉ quán cafe*). Sau đó T đã trả lại máy ảnh và trả tiền thuê máy ảnh từ ngày 01/11/2021 đến ngày 15/11/2021 cho anh Đ.

Tại Kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự số: 86/KLĐGTS ngày 11/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự quận Nam Từ Liêm, kết luận: *“01 chiếc máy ảnh nhãn hiệu Canon EOS R đời 2018, mua năm 2018, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng); 01 chiếc ống kính máy ảnh nhãn hiệu Canon RF28-70F2L, mua năm 2019, mắt kính bị nứt, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 60.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng); 01 chiếc ống kính máy ảnh nhãn hiệu Canno 16 – 35FL, mua cũ năm 2018, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); 05 quả pin máy ảnh hiệu Canon, đã qua sử dụng: Không đủ cơ sở định giá tài sản; 01 chiếc sạc máy ảnh hiệu Canon, đã qua sử dụng: Không đủ cơ sở định giá tài sản; 01 chiếc balo đựng máy ảnh, nhãn hiệu Pgytech, đã qua sử dụng: Không đủ cơ sở định giá tài sản.”*

Tổng trị giá tài sản là: 105.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh năm triệu đồng*);

Đối với anh Nguyễn Trung Th, quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố bộ máy ảnh, anh Th không biết là tài sản do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Anh Th không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Quang Đ đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lã Sơn T.

Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận hành vi phạm tội của T như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 231/CT-VKSNTL ngày 24/9/2022 của Viện kiểm sát nhân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Lã Sơn T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

“Điều 175. Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả.

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

Tại phiên tòa: Bị cáo T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được

hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cũng là bài học để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T, đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lã Sơn T về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 01/11/2021, tại bãi gửi xe của Bệnh viện Hồng Ngọc (*Địa chỉ: Số 8, Châu Văn Liêm, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*), Lã Sơn T đã thuê của anh Đỗ Quang Đ 01 bộ máy ảnh Canon EOSR (*cùng phụ kiện*), trị giá 105.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm linh năm triệu đồng*) để chụp ảnh, sau đó nảy sinh ý định đem cầm cố để lấy tiền trả nợ, nên T không

đem trả lại bộ máy ảnh cho anh Đ sau khi chụp ảnh xong mà đến khoảng 16 giờ ngày 01/11/2021, T đã đem bộ máy ảnh thuê của anh Đ đến cửa hàng cầm đồ tại số 180, đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cầm cố cho anh Nguyễn Trung Thành lấy số tiền 55.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng*) và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Sau đó do T không có khả năng chuộc lại tài sản nên T đã tìm người mua đến xem để bán bộ máy ảnh thuê của anh Đ nhưng do khách trả rẻ nên T chưa bán được.

Bị cáo đã khai nhận tội. Hậu quả đã khắc phục. Anh Đỗ Quang Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo T về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra, nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa, Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi Bị cáo đã thực hiện, xét thấy Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên, Hội đồng xét xử xem xét cho Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ một phần hình phạt cho Bị cáo, không cần thiết phải cách ly Bị cáo ra khỏi đời

sống xã hội, giao Bị cáo về chính quyền địa phương, nơi Bị cáo cư trú, để giám sát giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo, cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe Bị cáo và phòng ngừa chung và phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 30 tháng đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội Bị cáo gây ra.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Quang Đ, là bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Không

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lã Sơn T phạm tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*.

Xử phạt: Bị cáo Lã Sơn T **30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng**, kể từ ngày tuyên án. Giao Bị

cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- UBND thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, T. Hà Nam;
- Gia đình Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy